

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KH&CN Ở ĐÀ NẴNG

LÊ QUANG NAM

Sở KH&CN Đà Nẵng

Thời gian vừa qua, thành phố Đà Nẵng đã có nhiều nỗ lực nhằm đổi mới cơ chế, chính sách cũng như nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN), qua đó từng bước cải thiện chất lượng các đề tài/dự án, nâng cao tính ứng dụng và khả năng nhân rộng kết quả sau nghiệm thu, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Dưới đây là một số kết quả đạt được của Đà Nẵng trong vấn đề này và một số kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động KH&CN của thành phố.

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội. Đóng góp của KH&CN được thể hiện trên nhiều lĩnh vực như: quy hoạch; quản lý đô thị; chính sách an sinh xã hội; điều tra tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường phục vụ phát triển đô thị bền vững; nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong các khu vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ của thành phố; nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng... Tuy nhiên, các kết quả đạt được vẫn còn khá khiêm tốn. Số đề tài lớn, mang tầm bao quát và có ảnh hưởng sâu rộng chưa nhiều. Kinh phí đầu tư cho từng đề tài còn hạn chế, công tác quản lý tài chính còn nhiều bất cập, các quy định về chế độ chi tiêu, thủ tục quyết toán sau khi hoàn thành kết quả nghiên cứu vẫn còn những bất hợp lý, chưa khuyến khích được các nhà khoa học tham gia nghiên cứu. Nhân lực có trình độ cao trên địa bàn tuy đông nhưng chủ yếu làm công tác quản lý và giảng dạy. Số cán bộ chuyên làm công tác nghiên cứu khoa học chiếm tỷ lệ thấp, đặc biệt thiếu những nhà khoa học lớn, đầu ngành trong từng lĩnh vực. Cơ sở vật chất cũng như tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu còn nghèo nàn và nằm rải rác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn

thành phố. Chưa có cơ chế liên kết phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trên địa bàn cũng như sự liên kết vùng, miền giữa các địa phương trong khu vực chưa được chú trọng. Để tháo gỡ những vướng mắc và thúc đẩy KH&CN phát triển, thực sự trở thành nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội thì việc đổi mới cơ chế quản lý nói chung và cơ chế quản lý nhiệm vụ KH&CN nói riêng có ý nghĩa quyết định. Trong thời gian vừa qua, thành phố Đà Nẵng đã có nhiều nỗ lực nhằm đổi mới cơ chế chính sách cũng như nội dung quản lý nhiệm vụ KH&CN, qua đó từng bước cải thiện chất lượng các đề tài/dự án, nâng cao tính ứng dụng và khả năng nhân rộng kết quả sau nghiệm thu.

Đổi mới về cơ chế quản lý tài chính

Thí điểm khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đến sản phẩm cuối cùng: trong năm 2014, Đà Nẵng đã thí điểm khoán kinh phí thực hiện cho một số đề tài nghiên cứu khoa học đến sản phẩm cuối cùng. Theo đó, Sở KH&CN Đà Nẵng không kiểm soát chi tiết từng chứng từ mà chỉ kiểm soát các sản phẩm của đề tài. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài được quyền điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi theo yêu cầu của công việc nghiên cứu. Chứng từ thanh quyết toán là một hóa đơn tổng cho các khoản chi và các sản phẩm chính của đề tài được Sở KH&CN đánh giá đạt yêu cầu chất lượng. Sản phẩm KH&CN cuối cùng của đề tài được Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh



Mô hình nhân giống hoa lan Dendro

giá nghiệm thu và được Giám đốc Sở KH&CN công nhận. Trường hợp sản phẩm KH&CN cuối cùng được Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá “không đạt”, Sở KH&CN chỉ thanh toán một sản phẩm trung gian có chất lượng và giá trị sử dụng độc lập. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài buộc phải hoàn trả kinh phí chỉ cho các nội dung khác.

Kết quả thí điểm khoán kinh phí thực hiện đề tài đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN tập trung thời gian để tạo ra những sản phẩm tốt nhất mà không phải lo lắng nhiều về chứng từ thanh quyết toán.

Hình thành cơ chế hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn: tại Đà Nẵng, nhiều kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất do thực hiện tốt khâu xác định nhiệm vụ, lựa chọn địa bàn triển khai và xác định rõ địa chỉ ứng dụng từ ban đầu. Tuy nhiên, việc triển khai ứng dụng chưa thực sự bài bản và hiệu quả chưa cao. Trong đó, nguyên nhân cơ bản là chúng ta mới chỉ quan tâm đến khâu nghiên cứu ra kết quả, còn việc ứng dụng kết quả đó như thế nào, triển khai ra sao thì chưa có cơ chế cụ thể, chưa có sự gắn kết rõ ràng giữa các cơ quan tham gia. Hầu hết các đề tài chỉ được cấp kinh phí để triển khai chứ không có kinh phí để ứng dụng sau khi đề tài được đánh giá nghiệm thu. Các dự án áp dụng cho các vùng nông thôn, miền núi thì không có kinh phí để nhân rộng sau khi dự án kết thúc... Để góp phần giải quyết vấn đề này, thành phố Đà Nẵng đã xây dựng cơ chế để hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Theo đó,

việc ứng dụng kết quả nghiên cứu phải được lập thành kế hoạch và bố trí kinh phí để thực hiện.

Đề xuất kế hoạch phân bổ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN: trước đây việc phân bổ kinh phí cho KH&CN hoàn toàn do Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện, Sở KH&CN không tham gia và cũng không nắm được tình hình phân bổ kinh phí KH&CN trên địa bàn thành phố, và Sở KH&CN chỉ biết được kinh phí phân bổ cho chính Sở. Bắt đầu từ năm 2012, Sở KH&CN đã đề xuất và được UBND thành phố cho phép thực hiện việc tổng hợp và dự toán nhu cầu kinh phí dành cho KH&CN trên địa bàn thành phố (gồm kinh phí đầu tư phát triển và kinh phí

sự nghiệp KH&CN) để đề xuất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND, HĐND thành phố phân bổ.

Đổi mới công tác xây dựng nhiệm vụ KH&CN

Định hướng nghiên cứu vào những vấn đề trọng tâm, ưu tiên: từ năm 2006, với mục đích định hướng nghiên cứu vào các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề lớn cần ưu tiên phát triển của địa phương, thành phố Đà Nẵng đã xây dựng 8 chương trình KH&CN giai đoạn 2006-2010. Kế thừa các kết quả đạt được của giai đoạn này, UBND thành phố đã phê duyệt 6 chương trình KH&CN trọng điểm của thành phố giai đoạn tiếp theo (2011-2015), gồm: (1) Khoa học xã hội và nhân văn; (2) Ứng dụng phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; (3) Ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học; (4) Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (5) KH&CN phục vụ xây dựng Đà Nẵng trở thành “thành phố môi trường”; (6) Phát huy tiềm lực KH&CN và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KH&CN. Các chương trình KH&CN giúp định hướng cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của thành phố, hướng đến những vấn đề chung mang tính liên ngành và ưu tiên phát triển của thành phố, hạn chế các đề tài nhỏ lẻ, có phạm vi nghiên cứu hẹp.

Nâng cao chất lượng khâu xác định và tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN, tăng cường các nhiệm vụ thực hiện theo phương thức đặt hàng: đối với các nhiệm



Mô hình trồng hoa Cát tường

vụ KH&CN, bên cạnh việc xem xét mục tiêu, nội dung thì tính cấp thiết và tính ứng dụng là những tiêu chí cơ bản để tuyển chọn. Nhằm đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu trên, thành phố đã đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng trong nghiên cứu khoa học thông qua việc gửi văn bản đến các đồng chí lãnh đạo thành phố, các đồng chí thành ủy viên, các cơ quan quản lý nhà nước để đặt hàng các vấn đề nghiên cứu. Trên cơ sở đó, Sở KH&CN xem xét, lựa chọn các nhiệm vụ để thực hiện theo phương thức tuyển chọn nhằm chọn lựa tổ chức, cá nhân có năng lực tốt nhất để chủ trì triển khai.

Đẩy mạnh việc ứng dụng kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu

Sau khi các đề tài/dự án được nghiệm thu, Sở KH&CN đã tổ chức bàn giao các kết quả nghiên cứu cho các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn thành phố để tham khảo và sử dụng. Đối với các đề tài/dự án có sản phẩm mang tính kỹ thuật chuyên sâu, Sở KH&CN tổ chức tập huấn cho các đơn vị sử dụng để ứng dụng trong thực tiễn. Các kết quả này cũng được biên soạn thành các chuyên đề để phổ biến đến người dân.

Bên cạnh đó, Sở KH&CN cũng đôn đốc các cơ quan chủ trì triển khai ứng dụng và báo cáo kết quả ứng dụng đề tài/dự án sau nghiệm thu. Hiện nay, Sở KH&CN cũng đang chủ trì việc sửa đổi Quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN của thành phố. Trong quy định này, dự kiến sẽ bao gồm các nội dung xây dựng cơ chế hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống, hình thành giai đoạn tiếp theo sau khi đề tài kết thúc để tiếp tục hỗ trợ ứng dụng triển khai trong thực tiễn...

Một số kiến nghị

Từ thực tiễn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN của Đà Nẵng trong thời gian qua, chúng tôi xin có một số kiến nghị như sau:

Về cơ chế đầu tư

Ngân sách nhà nước vẫn là nguồn kinh phí chủ yếu đầu tư cho hoạt động nghiên cứu KH&CN. Hiện nay Nhà nước đã có quy định doanh nghiệp nhà nước hàng năm phải trích một tỷ lệ nhất định thu nhập trước thuế để lập quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều doanh nghiệp vẫn không thực hiện việc này, vì vậy nên chăng Nhà nước cần có biện pháp để buộc doanh nghiệp phải trích lợi nhuận trước thuế đầu tư cho KH&CN. Có như vậy mới huy động được nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN. Đồng thời cũng cần mạnh dạn đầu tư ngân sách nhà nước cho khu vực tư nhân làm KH&CN nếu việc đầu tư có hiệu quả, mang lại lợi ích chung cho sự phát triển.

Cần có cơ chế hỗ trợ đầu tư về KH&CN cho các vùng trọng điểm, qua đó hình thành ở mỗi vùng một trung tâm nghiên cứu mạnh, có sức lan tỏa ra khu vực. Đối với Đà Nẵng, mặc dù Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị đã xác định đầu tư xây dựng thành phố Đà Nẵng thành trung tâm KH&CN của khu vực miền Trung và Tây Nguyên, đồng thời Quyết định số 1866/QĐ-TTg ngày 8.10.2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 cũng đã xác định đầu tư, xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm KH&CN cao, nhưng sự hỗ trợ của Trung ương cho Đà Nẵng vẫn chưa rõ nét.

Bộ KH&CN đã đầu tư cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu trên địa bàn cả nước. Để các kết quả này mang lại ý nghĩa thiết thực và được ứng dụng rộng rãi, cần có sự chia sẻ thông tin, chia sẻ quyền sử dụng cho các địa phương. Đồng thời, có cơ chế tạo điều kiện để các cơ quan trung ương với địa phương có sự liên kết trong nghiên cứu. Qua đó phát huy các tiềm năng, thế mạnh về nguồn nhân lực, tài lực, vật lực từ các địa phương và các cơ quan nghiên cứu cấp trung ương. Đặc biệt là cần sự phối hợp trong các nghiên cứu có tính chất vùng, miền.

Về công tác quản lý tài chính

Luật KH&CN 2013 có quy định khoán chi đến sản phẩm KH&CN cuối cùng cũng như mua kết quả nghiên cứu khoa học theo thỏa thuận. Đồng thời Luật cũng quy định việc bố trí kinh phí ứng dụng kết quả nghiên cứu. Tuy nhiên, trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật chưa có hướng dẫn chi tiết các nội dung này. Để thuận lợi cho các địa phương trong triển khai, đề nghị Bộ KH&CN cùng với Bộ Tài chính cần có hướng dẫn chi tiết việc thực hiện.

Định mức chi cho hoạt động nghiên cứu KH&CN hiện nay được áp dụng theo quy định tại Thông tư liên bộ số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN. Tuy nhiên, các định mức này nhìn chung không còn phù hợp với thực tế, nhiều nội dung chi chưa được quy định cụ thể..., đề nghị Bộ Tài chính, Bộ KH&CN sớm ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung và nâng cao định mức chi cho phù hợp với thực tế.

Việc thu hồi kinh phí từ sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN trên thực tế còn nhiều bất cập. Hiện nay, Thông tư liên bộ số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm không quy định về việc thu hồi kinh phí nhưng cũng không khẳng định việc hỗ trợ kinh phí hoàn toàn cho các dự án sản xuất thử nghiệm. Mặt khác, Thông tư liên bộ số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN thì lại quy định về việc thu hồi kinh phí khi các sản phẩm được tiêu thụ trên thị trường. Thực tế, các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN, kể cả các dự án sản xuất thử nghiệm vẫn còn nhiều nội dung phải nghiên cứu, hoàn thiện và chịu nhiều rủi ro (cả về công nghệ và thị trường...). Thêm nữa, ngân sách nhà nước cũng không đầu tư hoàn toàn cho việc thực hiện các nhiệm vụ này (có cả đầu tư tài chính của doanh nghiệp, chi phí cho các bên tham gia thực hiện...). Thực tế cho thấy, việc thu hồi kinh phí cộng với tính rủi ro trong nghiên cứu khoa học, định mức nghiên cứu thấp đã làm hạn chế số lượng các

dự án sản xuất thử nghiệm, cũng như các đề tài có sản phẩm thương mại hóa. Điều này đồng nghĩa với việc các kết quả nghiên cứu thực sự được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống còn hạn chế. Vì vậy, Nhà nước cần xem xét không nên thu hồi kinh phí đối với việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN mà chỉ nên xác định nội dung hỗ trợ, qua đó sẽ đẩy mạnh được việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN gắn với thực tiễn sản xuất và đời sống.

Về công tác quản lý khoa học

Hiện nay tất cả các thông tư hướng dẫn của Bộ KH&CN (từ xác định nhiệm vụ KH&CN, xét chọn, tuyển chọn, đánh giá nghiệm thu...) đều chỉ quy định việc quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia mà hoàn toàn không có hướng dẫn thực hiện đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố, nên trong thực tế, các địa phương có sự nghiên cứu, vận dụng khác nhau. Vì vậy, Bộ KH&CN cần quan tâm ban hành các văn bản hướng dẫn để thống nhất công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Việc xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN hiện nay tuy đã hướng tới mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhưng nhìn chung vẫn chưa thực sự xuất phát từ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cụ thể. Chưa định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc xác định nhiệm vụ KH&CN. Vì vậy cần có cơ chế bắt buộc phải có sự gắn kết giữa các nhiệm vụ KH&CN với các cấp, các ngành chủ trì nhiệm vụ kinh tế - xã hội đó.

Để KH&CN đóng góp nhiều hơn nữa vào sự phát triển kinh tế - xã hội và khẳng định vai trò, vị thế của mình trong đời sống kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng nói riêng, các vùng miền trên cả nước nói chung, Nhà nước cần đẩy nhanh quá trình đổi mới căn bản về cơ chế đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa sự đầu tư cho KH&CN từ trung ương đến địa phương, huy động mạnh mẽ sự tham của các nguồn lực xã hội cho KH&CN, đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực sự cho cơ quan chủ trì và nhà khoa học trong quá trình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu. Như vậy mới mong có được những công trình lớn, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước 